TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HSST
Ngày: 27 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tòng Văn Quân

2. Ông Quàng Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sóng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Vàng A Vừ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Giàng A V (tên gọi khác: không); Sinh năm 1971 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: không học; Con ông Giàng Sếnh D, sinh năm 1950 và bà Vàng Thị V, sinh năm 1951; Vợ: Vàng Thị S, sinh năm 1972 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 14/9/2019 đến 23/9/2019; Tạm giam từ ngày 23/9/2019 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Giàng Chồng M (tên gọi khác: Giàng A M); Sinh năm 1979 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: không học; Con ông Giàng Chồng T (đã chết) và bà Thào Thị M, sinh năm 1944; Vợ: Thào Thị G, sinh năm 1980 và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: Có một tiền sự cụ thể theo Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 08/QĐ-TA ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Giàng Chồng M bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng, ngày 03/8/2017 đã chấp hành xong, đến nay chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị tạm giữ từ ngày 14/9/2019 đến 23/9/2019; Tạm giam từ ngày 23/9/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vàng Thị S, sinh năm 1972. Trú tại bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bà Thào Thị G, sinh năm 1980. Trú tại bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: Tráng A S, sinh năm 1996. Trú tại tổ dân cư số 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 14/9/2019, tổ công tác công an xã H, huyện Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực giáp ranh giữa xã H và xã T phát hiện Giàng A V, Giàng Chồng M mỗi người đi trên một xe máy theo hướng xã H vào xã T có biểu hiện vi phạm pháp luật nên yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ trong chiếc túi vải đen Giàng A V đang đeo trên người có 01 gói nhỏ, gói bằng nilon màu trắng (nghi là Heroine) và trong nắp điện thoại Nokia của Giàng Chồng M một gói nhỏ, gói bằng nilon màu trắng (nghi là Heroine). Cơ quan điều tra lập biên bản, niêm phong vật chứng và đưa các đối tượng trên về cơ quan công an huyện Đ làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Giàng A V và Giàng Chồng M khai gói nilon màu trắng cơ quan công an thu là Heroine. Nguồn gốc hai gói ma túy cơ quan công an thu giữ là do Giàng A V mua của một người đàn ông dân tộc Mông tên là S với giá 100.000đ tại khu vực bản X, xã P, huyện Đ vào khoảng 7 giờ, ngày 14/9/2019, mục đích để sử dụng và bán lẻ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Giàng Chồng M đến nhà Giàng A V hỏi mua Heroine để sử dụng, V cắt một ít, gói trong nilon màu trắng bán cho M với giá 50.000đ nhưng do M chưa có tiền nên cho nợ. Số Ma túy còn lại V cất giấu trong chiếc túi vải màu đen, đeo trên người. Còn Giàng Chồng M mua được gói ma túy cất vào trong nắp điện thoại Nokia. Đến 13 giờ, cả hai mỗi người điều khiển xe máy của mình sang xã T thì bị bắt.

Vật chứng cơ quan công an thu giữ của Giàng A V là 01 gói nhỏ, gói bằng nilon trắng bên trong có cục bột trắng (nghi là Heroine); một xe máy biển kiểm soát 27B1-277.41 (cùng đăng ký xe) ; giấy phép lái xe mang tên Giàng A V; một túi vải màu đen; một điện thoại nhãn hiệu coolpad F129 và 176.000đ.

Thu giữ của Giàng Chồng M 01 gói nhỏ, gói bằng nilon trắng bên trong có cục bột trắng (nghi là Heroine); một chiếc điện thoại Nokia; một xe máy biển kiểm soát 27B1-677.34;

Tại biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng chất nghi là ma túy thu của Giàng A V và Giàng Chồng M ngày 14/9/2019 như sau:

Gói chất bột trắng thu của Giàng A V có khối lượng là 0,12 gam trích 0,08 gam gửi đi giám định.

Gói chất bột trắng thu của Giàng Chồng M có khối lượng 0,1 gam trích 0,06 gam gửi đi giám định.

Tại Kết luận giám định số 911/GĐ-PC09 ngày 23/9/2019 kết luận các mẫu gửi giám định thu giữ của Giàng A V và Giàng Chồng M là Heroine được quy định trong Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 22/QĐ ngày 30/10/2019 trả số tiền 176.000đ và chiếc điện thoại nhãn hiệu coolpad F129 cho bà Vàng Thị S vợ bị cáo Giàng A V.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên Sái theo lời khai của bị cáo Giàng A V là người đã bán ma túy cho bị cáo nhưng không rõ địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa làm rõ được.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS-ĐBĐ ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo:

- Giàng A V về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Giàng Chồng M về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Giàng A V từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Giàng Chồng M từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Heroine còn lại sau giám định và chiếc túi vải màu đen thu của Giàng A V;

Trả lại giấy phép lái xe cho Giàng A V

Trả lại chiếc điện thoại cho Giàng Chồng M.

Trả lại hai chiếc xe máy cho vợ các bị cáo quản lý, sử dụng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai: Bà Vàng Thị S có lời khai liên quan đến chiếc xe máy cơ quan điều tra đang tạm giữ là tài sản chung của gia đình bà trong đó có bà, con gái và bị cáo Giàng A V. Trong đó tiền mua xe là bán thóc ngô, bò của gia đình để mua. Cả gia đình không biết Giàng A V nghiện, đi mua ma túy; gia đình có duy nhất chiếc xe để đi lại. Bà mong HĐXX xem xét trả lại cho bà sử dụng.

Bà Thào Thị G có lời khai chiếc xe máy cơ quan công an thu giữ là tài sản chung của gia đình có bà, con trai bà Giàng A H và bị cáo Giàng Chồng M. Tuy xe đăng ký đứng tên Giàng Chồng M nhưng nguồn tiền mua xe chủ yếu là do Giàng A H đi làm thuê tích góp mua về cho bố mẹ cùng sử dụng; còn Giàng Chồng M năm 2017 đi cơ sở giáo dục về không có đóng góp gì để mua xe. Bà G đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho bà quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo Giàng A V thể hiện ngày 14/9/2018 bị cáo mua được một gói Heroine về mục đích sử dụng, sau đó bán chịu cho Giàng Chồng M một ít giá 50.000đ. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Giàng Chồng M và vật chứng cơ quan công an thu giữ là 0,12 gam của bị cáo và 0,1 gam thu trong người Giàng Chồng M. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội " Mua bán trái phép chất ma túy " quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng pháp luật.

Bị cáo Giàng Chồng M, mặc dù chỉ mua trái phép chất ma túy về sử dụng, nhưng số ma túy cơ quan điều tra thu giữ được là 0,1 gam đã đủ căn cứ để truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; mặc dù biết pháp luật nghiêm cấm hành vi liên quan đến chất ma túy nhưng vẫn cố ý vi phạm nên đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây mất ổn định trật tự xã hội. Cho nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi đã gây ra.

[2]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo Giàng A V có bố là Giàng Sính D (tên gọi khác Giàng Sếnh D) được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 và Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, nghề nghiệp phụ thuộc vào nông nghiệp; gia đình thuộc hộ nghèo nên khó có khả năng thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 22/QĐ ngày 30/10/2019 trả số tiền 176.000đ và chiếc điện thoại nhãn hiệu coolpad F129 cho bà Vàng Thị S vợ bị cáo Giàng A V vì không liên quan đến hành vi phạm tội là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với số Heroine còn lại sau giám định là 0,04 gam thu của Giàng A V và 0,04 gam thu của Giàng Chồng M là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc túi vải màu đen thu của Giàng A V xét thấy đã cũ, giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia bị cáo Giàng Chồng M không sử dụng liên lạc mua ma túy cho nên cần trả lại cho bị cáo theo Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-27741 cùng giấy đăng ký xe số 006514 thu của Giàng A V. Tại phiên tòa đã làm rõ để có tiền mua chiếc xe trên gia đình bị cáo (gồm có vợ và các con) cùng nhau lao động sản xuất vất vả tích góp mua làm phương tiện đi lại trong gia đình, không chỉ là tài sản riêng của bị cáo với vợ và xét thấy gia đình bị cáo chỉ có duy nhất chiếc xe là phương tiện đi lại; khi bị cáo dùng đi mua ma túy không ai biết. Cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho gia đình bị cáo trong đó vợ bị cáo bà Vàng Thị S đại diện nhận quản lý, sử dụng là hợp tình, hợp lý theo Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với Chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-677.34 (không kèm giấy tờ xe) thu của Giàng Chồng M. Tại phiên tòa cũng đã làm rõ được đây là tài sản chung của gia đình bị cáo Giàng Chồng M. Trong đó nguồn tiền mua xe chủ yếu là do con trai bị cáo Giàng A H đi làm thuê gửi về mua cho gia đình sử dụng; bản thân bị cáo Giàng Chồng M 8/2017 mới đi cơ sở giáo dục bắt buộc về nên không có nhiều đóng góp để mua xe. Khi bị cáo Giàng Chồng M sử dụng đi mua ma túy về sử dụng vợ, con không biết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xét thấy cần trả lại cho gia đình bị cáo mà đại diện là bà Thào Thị G nhận quản lý, sử dụng. Theo Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Giàng A V, là giấy tờ nhân thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo Giàng A V.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vấn đề khác trong vụ án: Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên S theo lời khai của bị cáo Giàng A V là người đã bán ma túy cho bị cáo nhưng không rõ địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa làm rõ được. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí hình sự sơ thẩm vì là người dân tộc Mông sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Giàng A V phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Giàng A V 02 (hai) năm tù. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (14/9/2019).

Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Giàng Chồng M (tên gọi khác Giàng A M) phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Giàng Chồng M 01 (một) năm tù. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (14/9/2019).

2. Áp dụng Điểm c Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 ; Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine (đã trừ giám định)

- Tịch thu tiêu hủy một chiếc túy vải màu đen, có dây đeo màu cam đen, đã cũ, qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Giàng Chồng M một điện thoại di động bàn phím màu đỏ đen nhãn hiệu Nokia.

- Trả lại cho bị cáo Giàng A V một giấy phép lái xe hạng A1 số 110145005445 mang tên Giàng A V.

- Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, detech biển kiểm soát 27B1-27741 (kèm giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006514) cho bà Vàng Thị S, sinh năm 1972. Trú tại bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Kitafu, biển kiểm soát 27B1-677.34 (không kèm giấy đăng ký) cho bà Thào Thị G, sinh năm 1980. Trú tại bản T, xã T huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A V và Giàng Chồng M.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 27/11/2019; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/ 11/2019).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện ĐBĐ; VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra; Cơ quan THAHS huyện ĐBĐ;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBĐ;
- TAND tỉnh ĐB;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện ĐBĐ ;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Nga